

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BB  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:01 /2020/DSST

Ngày: 05-02 -2020.

V/v: “*Tranh chấp hợp  
đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BB-TỈNH BÌNH THUẬN**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thảo – Thẩm phán

- Các Hội thẩm nhân dân: 1/Bà Nguyễn Thị Phương Dung

2/Bà Lại Thị Mỹ Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chiêm Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện BB.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BB tham gia phiên tòa: bà Đặng Thị Thu Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BB, xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án thụ lý số 89/2019/TLST–DS ngày 24 tháng 7 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐXX–DSST ngày 27/12/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2020, giữa các bên đương sự:

**-Nguyên đơn:** Ngân hàng N(gọi tắt AN)

Địa chỉ: Số X, Láng H, Quận Đ-Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc Kh-chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên.

Đại diện theo ủy quyền: Ngân hàng N-Chi nhánh ABB, do ông Lê Quang T, chức vụ: Giám đốc chi nhánh BB

(Văn bản ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV –PC ngày 19/6/2014)

Người được ủy quyền lại: Ông Mai Văn H, chức vụ: trưởng phòng tổng hợp chi nhánh BB, Bình Th (có mặt)

(Văn bản ủy quyền ngày 01 tháng 10 năm 2019)

Địa chỉ: Số Y, đường Nguyễn Tất Th, thị trấn L,huyện BB, tỉnh Bình Th.

**-Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976(vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Bình L, xã Phan R Th, huyện BB, Bình Th

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện cũng như quá trình tố tụng, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 04/4/2017, AN- chi nhánh BB có ký hợp đồng tín dụng số 4809LAV201702683 cho bà Nguyễn Thị H vay số tiền gốc 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), mục đích vay vốn sản xuất, chăn nuôi. Thời hạn vay 12 tháng, kỳ hạn trả nợ đến ngày 25/3/2018, lãi suất 7%/năm. Nợ quá hạn lãi suất sẽ tính 10.5%/năm. Trả lãi theo phân kỳ. Trường hợp lãi suất cơ bản có sự thay đổi theo quy định của Ngân hàng N thì bên cho vay được quyền đơn phương thay đổi lãi suất cho phù hợp mà không cần có văn bản thỏa thuận của bên vay. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất được liệt kê theo danh mục gồm: Đất nông nghiệp diện tích 2096m<sup>2</sup> thuộc giấy chứng nhận số V881289 và nhà đất ở nông thôn diện tích 146m<sup>2</sup> thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 383239.

Trường hợp đến hạn mà bà Nguyễn Thị H không trả được nợ gốc và lãi nếu không có thỏa thuận khác thì tài sản liệt kê theo danh mục vay sẽ được phát mãi tài sản thu hồi nợ.

Trong quá trình vay vốn, bà Nguyễn Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ lãi và gốc khi đến hạn. Tính đến ngày xét xử 05/02/2020 bà Nguyễn Thị H còn nợ Ngân hàng N- chi nhánh BB số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và lãi phát sinh trong kỳ là 6.922.222 đồng, lãi quá hạn được tính từ ngày 26/3/2018 đến ngày 05/02/2020 là 19.891.667 đồng.

Nay đại diện Ngân hàng N yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải trả nợ vay của khế ước số 4809LVA201702683 ngày 04/4/2017 số tiền gốc 100.000.000 đồng và lãi là 26.813.889 đồng và yêu cầu tính lãi tiếp theo sau ngày 05/02/2020 theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký. Đồng thời yêu cầu phát mãi tài sản đã liệt kê trong hợp đồng đã ký để thu hồi nợ đến hạn nếu bà H không trả được nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H vắng mặt từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại biên bản xác minh ngày 12/11/2019, Tòa án đã xác minh bà Nguyễn Thị H có hộ khẩu tại thôn Bình L, xã Phan R Th, huyện BB, tỉnh Bình Th nhưng hiện nay không còn thường xuyên sinh sống ở địa phương mà đi làm công nhân tại Bình D, địa phương không biết cụ thể địa chỉ và không có đăng ký kết hôn tại địa phương.

Tại phiên tòa:

Đại diện của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị H phải trả nợ vay của khế ước số 4809LVA201702683 ngày 04/4/2017 số tiền gốc 100.000.000 đồng và lãi trong kỳ là 6.922.222đ và lãi quá hạn tính từ ngày 26/3/2018 đến ngày 05/02/2020 là 19.891.667 đồng. Trường hợp bà Nguyễn Thị H không thực hiện việc trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì

đề nghị Tòa án tuyên phát mãi tài sản đã liệt kê trong hợp đồng là quyền sử dụng đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 881289 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc sổ sổ AH 383239 để thu hồi nợ.

Đối với bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án niêm yết thủ tục tố tụng hợp lệ nhưng bà H vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án và không cung cấp chứng cứ tài liệu về yêu cầu của Ngân hàng cũng không có yêu cầu phản tố.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến về quan điểm giải vụ án như sau:

+ Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự quy định về thụ lý đúng thẩm quyền, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng, thời hạn giải quyết, trình tự thủ tục hòa giải và thời hạn chuyển giao hồ sơ sang VKS

+ Về tuân theo pháp luật của hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

+ Về chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chấp hành pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của pháp luật quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 351; 463; 466; 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 Luật tổ chức tín dụng đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị H phải trả nợ vay cho Ngân hàng N-Chi nhánh BB 100.000.000 đồng và lãi 26.813.889 đồng và tiếp tục tính lãi tiếp theo sau ngày 05/02/2020 theo mức lãi thỏa thuận của hợp đồng. Trường hợp bà Nguyễn Thị H không trả được nợ cho Ngân hàng thì tài sản đã liệt kê trong hợp đồng được phát mãi để thu hồi nợ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, xét ý kiến của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng N khởi kiện đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H về “hợp đồng tín dụng”, theo kết quả xác minh ngày 12/11/2019, bị đơn bà Nguyễn Thị H vào thời điểm vay vốn và đến nay bà Nguyễn Thị H vẫn có hộ khẩu tại địa phương thôn Bình L, xã Phan R Th, huyện BB, tỉnh Bình Th nhưng tại thời điểm sau khi vay vốn không thường xuyên có mặt tại địa phương và không thông báo cho Ngân hàng về việc thay đổi địa chỉ là cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện BB thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. bà Nguyễn Thị H không đến Tòa án giải quyết vụ án nên vụ án không hòa giải được phải đưa ra xét xử. Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị H vắng mặt 2 lần nhưng Tòa án đã niêm yết thủ tục tố tụng và niêm yết chứng cứ do Tòa án thu thập được hợp lệ nhưng vẫn không có ý kiến gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bà Nguyễn Thị H là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]Về nội dung: Sau khi xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ cho rằng ngày 04/4/2017, Ngân hàng N(gọi tắt là AN) do đại diện AN- chi nhánh BB có ký hợp đồng tín dụng số 4809LAV201702683 cho bà Nguyễn Thị H vay số tiền gốc 100.000.000 đồng(Một trăm triệu đồng), mục đích vay vốn sản xuất chăn nuôi.Thời hạn vay 12 tháng, kỳ hạn trả nợ đến ngày 25/3/2018, lãi suất 7%/năm.Nợ quá hạn lãi suất sẽ tính 10.5%/năm, trả lãi theo phân kỳ.Trường hợp lãi suất cơ bản có sự thay đổi theo quy định của Ngân hàng N thì bên cho vay được quyền đơn phương thay đổi lãi suất cho phù hợp mà không cần có văn bản thỏa thuận của bên vay.Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất được liệt kê theo danh mục gồm: Đất nông nghiệp diện tích 2096m<sup>2</sup> thuộc giấy chứng nhận số V881289 và nhà đất ở nông thôn diện tích 146m<sup>2</sup> thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 383239. Như vậy, việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa hai bên Ngân hàng với bà Nguyễn Thị H là có thật, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng là phù hợp quy định của Ngân hàng nhà nước về việc cho vay của các tổ chức tín dụng tại Điều 91 Luật tổ chức tín dụng và Điều 351, Điều 463, Điều 470 Bộ luật dân sự.Sau khi vay vốn bà Nguyễn Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc khi đến hạn và cũng không trả lãi theo thỏa thuận đã ký trong hợp đồng.Vì vậy, Ngân hàng N- đại diện Chi nhánh BB yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải thanh toán nợ gốc đến hạn 100.000.000đ(Một trăm triệu đồng) là có căn cứ.

+Về lãi suất: Nội dung thỏa thuận lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn giữa Ngân hàng với bà Nguyễn Thị H theo hợp đồng tín dụng số 4809LVA201702683 ngày 04/4/2017 là phù hợp quy định tại Điều 95 Luật tổ chức tín dụng.Do đó, Ngân hàng N yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải thanh toán lãi suất trong hạn 6.922.222 đồng và lãi suất quá hạn tính từ ngày 26/3/2018 đến ngày 05/02/2020 là 19.891.667 đồng và bà Nguyễn Thị H còn phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 06/02/2020 cho đến khi trả xong nợ gốc cho Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận.

+Đối với yêu cầu xử lý tài sản thu hồi nợ đã liệt kê trong hợp đồng vay vốn ngày 04/4/2017 để tín chấp vay vốn của bà Nguyễn Thị H là quyền sử dụng đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V881289 diện tích 2096m<sup>2</sup> và nhà đất ở nông thôn diện tích 146m<sup>2</sup> thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 383239: Hội đồng xét xử xét thấy bà Nguyễn Thị H đã thỏa thuận tại điểm c Điều 4 hợp đồng tín dụng nếu bà Nguyễn Thị H không thực hiện trả nợ đúng hạn mà không có thỏa thuận khác thì sẽ bàn giao cho Ngân hàng N tài sản đã liệt kê trong hợp đồng để xử lý thu hồi nợ, đây là tài sản quyền sử dụng đất do bà Nguyễn Thị H đứng tên nên thỏa thuận giữa bà Nguyễn Thị H với Ngân hàng N là đúng quy định tại Điều 95 luật các tổ chức tín dụng nên yêu cầu của Ngân hàng N yêu cầu bà Nguyễn Thị H giao tài sản tín chấp đã liệt kê trong hợp đồng vay số 4809LVA201702683 ngày 04/4/2017 để thu hồi nợ là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4]Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng N –chi nhánh BB được chấp nhận toàn bộ nên bà Nguyễn Thị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ vào:** - Khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự .

- Điều 351; Điều 463; 466; 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự.
- Điều 91 và Điều 95 Luật tổ chức tín dụng
- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

**Xử:** - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N – chi nhánh BB, buộc bà Nguyễn Thị H trả nợ cho Ngân hàng N – chi nhánh BB số tiền nợ vay gốc 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và tiền lãi 26.813.889 đồng (Tính đến ngày xét xử 05/02/2020). Bà Nguyễn Thị H còn tiếp tục chịu lãi phát sinh theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 4809LVA201702683 ngày 04/4/2017 kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (05/02/2020) đến khi trả nợ xong cho Ngân hàng N.

Trường hợp bà Nguyễn Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N- Chi nhánh BB có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản đã được liệt kê trong hợp đồng số 4809LVA201702683 ngày 04/4/2017 là quyền sử dụng đất số thuộc sổ số V881289, diện tích 2096m<sup>2</sup> và nhà đất ở nông thôn diện tích 146m<sup>2</sup> thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 383239 để thu hồi nợ.

Trường hợp phát mãi tài sản để thu hồi nợ vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng N- Chi nhánh BB thì bà Nguyễn Thị H vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N cho đến khi thực hiện xong toàn bộ khoản nợ của hợp đồng tín dụng số 4809LVA201702683 ngày 04/4/2017.

**Về án phí:** - Bà Nguyễn Thị H phải nộp 6.340.694 đồng (Sáu triệu ba trăm bốn mươi nghìn sáu trăm chín mươi bốn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại Ngân hàng N- Chi nhánh BB tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp 2.988.000 đồng(Hai triệu chín trăm tám mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0029201 ngày 24/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BB.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm(05/02/2020), bà Nguyễn Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng số 4809LVA201702683 ngày 04/4/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, đại diện nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự
- VKS BB
- THA BB
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán—Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Lê Thị Thanh Thảo**